

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 05/2020/KDTM-GĐT

Ngày 12/6/2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Lê Tự.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ninh Bình - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Trụ sở tại số X phố L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn D, Giám đốc Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk - Ngân hàng N.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân D; trú tại Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1980; trú tại Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; trú tại Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Ông Lê Ngọc B, năm 1947 và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1952; trú tại Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H2; trú tại Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/3/2013 ông Nguyễn

Xuân D có ký hợp đồng tín dụng và vay Ngân hàng N- chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với số tiền gốc 1,6 tỷ đồng, lãi suất 14%/năm. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Kinh doanh tạp hóa. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay gồm có 04 hợp đồng thế chấp, trong quá trình vay vốn đã giải chấp hết tài sản của 02 hợp đồng bảo đảm, giải chấp một phần tài sản thế chấp của 01 hợp đồng bảo đảm, đến nay tài sản thế chấp còn lại theo hai hợp đồng bảo đảm, cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 292/TC ngày 06/3/2012 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh với bên nhận thế chấp là Ngân hàng 04 quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk gồm: Quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số H082908, AM119398, AN 380242, AM180911, gồm các thửa 181,166, 58a, 305, tờ bản đồ số 15,14,12, có tổng diện tích 7.172 m² các tài sản này đã được giải chấp đến nay tài sản thế chấp chỉ còn quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763;

- Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bên vay đối với khoản tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi phát sinh, trong số tiền đã vay thì bà Nguyễn Thị H có đứng ra bảo lãnh cho ông Nguyễn Xuân D tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 292b/TC ngày 06/3/2012 với Ngân hàng Quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số O 316770, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 08 diện tích 5.630 m², được UBND huyện K cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H ngày 11/10/1999;

Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Nguyễn Xuân D vẫn không thanh toán nợ vay đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng nên đã vi phạm về nghĩa vụ của bên vay.

Nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 483.309.948 đồng và tổng nợ lãi tính đến hết ngày 04/4/2019 của hợp đồng tín dụng là 732.693.194 đồng. Tổng cộng là 1.216.003.142 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 05/4/2019 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 292/2013/HĐTD ngày 15/3/2013 cho đến khi ông Nguyễn Xuân D trả hết nợ gốc và nợ lãi.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân D không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần nợ vay thì yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán thay ông Nguyễn Xuân D cho Ngân hàng với tổng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 04/4/2019 của phần nợ gốc 40.000.000 đồng là 42.967.778 đồng. Tổng cộng: 82.967.778 đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh trên nợ gốc 40 triệu đồng tính từ ngày 05/4/2019 theo hợp đồng tín dụng 292/2013/HĐTD ngày 15/3/2013.

Trường hợp ông Nguyễn Xuân D hoặc bà Nguyễn Thị H không thanh toán hết số nợ vay nói trên, Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án kê biên, cưỡng chế phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết

giữa các bên nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình bày: Do nhu cầu vay vốn, nên vào năm 2012 vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh có nộp hồ sơ xin vay vốn tại Ngân hàng vay số tiền 1,2 tỷ đồng, hai bên có lập Hợp đồng thế chấp số 292/TC, ngày 06/3/2012. Ông D thừa nhận có ký vào Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013, nhưng ông Nguyễn Văn T là cán bộ tín dụng của Ngân hàng điện thoại gọi Ông D đến Ngân hàng, ông T đưa cho Ông D tập hồ sơ vay vốn và yêu cầu ông D ký vào hồ sơ. Từ đó đến nay ông D chưa nhận được tiền giải ngân của Ngân hàng cho Ông D vay theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện Ông D thì phía Ông D không đồng ý, Ông D chưa nhận tiền từ ngân hàng nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía Ông D có yêu cầu Ngân hàng xuất trình các chứng từ giao dịch giải ngân khoản tiền nói trên nhưng phía Ngân hàng không cung cấp được, chứng từ giao dịch do Ngân hàng cung cấp đề ngày 15/3/2013 nhưng in vào ngày 18/3/2013 là không hợp lệ, không đúng sự thật, vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu phản tố về việc đề nghị Ngân hàng hoàn trả số tiền 702. 666.667 đồng đã nộp tại Ngân hàng, vì có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Nh là bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị Nh thừa nhận vào năm 2012 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng với số tiền 1,2 tỷ đồng và có ký vào Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012. Tuy nhiên, sau khi trả nợ xong thì bà Nh không ký vào hợp đồng tín dụng ngày 15/3/2013, cũng không biết ông Nguyễn Xuân D ký hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013 vay với số tiền 1.600.000.000 đồng, và không nhận được khoản tiền nào.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà Nh không đồng ý, nếu Ông D ký vay thì một mình Ông D có nghĩa vụ trả nợ, vì bà Nh không biết, không được nhận tiền và cũng không ký vào hợp đồng tín dụng năm 2013 để vay vốn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản phần của bà Nh trong tài sản chung đã thế chấp cho Ngân hàng.

Bà Lê Thị Nh rút yêu cầu phản tố như trong đơn yêu cầu với ông Nguyễn Xuân D.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không đồng ý đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc 40 triệu đồng và lãi phát sinh, cũng như không đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 292b/TC ngày 06/3/2012, vì Bà H chỉ bảo lãnh cho hợp đồng năm 2012, chứ không bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng năm 2013 mà Ông D đã ký kết với Ngân hàng.

Bà Hồ Thị H1, ông Lê Ngọc B trình bày: Do không hiểu biết pháp luật nên đã bỏ tiền ra để giải chấp lấy bìa về. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Hồng,

bà Bách rút yêu cầu phản tố về việc buộc Ngân hàng phải trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền 374.438.552 đồng, vì có thể kiện bằng một vụ kiện khác.

Ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị H2 trình bày: ông Ph, bà H rút yêu cầu độc lập là buộc Ngân hàng phải trả lại cho vợ chồng ông bà số tiền 141.251.500 đồng, vì có thể kiện bằng một vụ kiện khác.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1. Về nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 483.309.948 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử theo hợp đồng tín dụng là 732.693.194 đồng, tổng cộng là 1.216.003.142 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD, ngày 15/3/2013 cho đến khi ông Nguyễn Xuân D trả xong toàn bộ các khoản nợ nói trên.

- Không chấp nhận yêu cầu trường hợp ông Nguyễn Xuân D không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần nợ vay thì buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán thay ông Nguyễn Xuân D đối với nghĩa vụ trong phạm vi bảo lãnh cho Ngân hàng N°&PTNT Việt Nam, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 04/4/2019 của phần nợ gốc 40.000.000 đồng là 42.967.778 đồng. Tổng cộng: 82.967.778 đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh trên nợ gốc 40 triệu đồng tính từ ngày 05/4/2019 theo hợp đồng tín dụng 292/2013/HĐTD ngày 15/3/2013.

2. Về xử lý tài sản thế chấp có bảo đảm:

- Trường hợp ông Nguyễn Xuân D trả xong các khoản nợ thì Ngân hàng N
- Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m², được UBND huyện K cấp ông Y Dhu Niê chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh vào ngày 16/3/2009; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh.

- Trường hợp ông Nguyễn Xuân D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là phần tài sản của ông Nguyễn Xuân D trong tài sản chung của vợ chồng

ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m², được UBND huyện K cấp ông Y Dhu Niê chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh vào ngày 16/3/2009; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản mà Nguyễn Thị H đã đứng ra bảo lãnh đối với bên thứ ba để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật đối với số tiền 40 triệu đồng và lãi phát sinh trên nợ gốc 40 triệu đồng theo hợp đồng tín dụng tín dụng số 292/213/HĐTD, ngày 15/3/2013 khi ông Nguyễn Xuân D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh đối với yêu cầu Ngân hàng N - Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk trả lại số tiền 702.666.667 đồng đã thanh toán.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu Ngân hàng N⁰&PTNN Việt Nam, Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho vợ chồng ông Ph, bà H số tiền 141.251.500 đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Ngọc B, bà Hồ Thị H1 về việc yêu cầu Ngân hàng N⁰&PTNN Việt Nam, Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk trả lại cho vợ chồng ông Ph, bà H số tiền 374.438.552 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/4/2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Trường hợp ông Nguyễn Xuân D không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án kê biên phát mãi toàn bộ tài sản mà bà Nguyễn Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho người thứ ba đối với số tiền Bà H bảo lãnh là nợ gốc 40 triệu và nợ lãi phát sinh, nếu trả không được thì có quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ và xử lý toàn bộ tài sản là diện tích 624 m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15, được UBND huyện K cấp ông Y Dhu Niê chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh vào ngày 16/3/2009; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Ngày 16/4/2019, bị đơn Ông D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không có giá trị pháp lý.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2019/KDTM-PT ngày 06/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng N.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân D - Sửa một phần

bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 335, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 146 Nghị định: 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

{1}. Về nợ và nghĩa vụ trả nợ: ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số nợ gốc là 483.309.948 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử theo hợp đồng tín dụng là 732.693.194 đồng, tổng cộng là 1.216.003.142 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/4/2019 theo hợp đồng tín dụng số 292/2013/HĐTD, ngày 15/3/2013 cho đến khi ông Nguyễn Xuân D trả xong toàn bộ các khoản nợ nói trên.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N: Trường hợp ông Nguyễn Xuân D không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần nợ vay thì buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán thay ông Nguyễn Xuân D đối với nghĩa vụ trong phạm vi bảo lãnh cho Ngân hàng N°&PTNT Việt Nam, chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 04/4/2019 của phần nợ gốc 40.000.000 đồng là 42.967.778 đồng. Tổng cộng: 82.967.778 đồng và toàn bộ nợ lãi phát sinh trên nợ gốc 40 triệu đồng tính từ ngày 05/4/2019 theo hợp đồng tín dụng 292/2013/HĐTD ngày 15/3/2013.

[2]. Về xử lý tài sản thế chấp có bảo đảm:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc nếu ông Duẩn không trả được nợ xử lý phát mãi tài sản là lô đất đã được, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m², được UBND huyện K cấp ông Y Dhu Niê chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh vào ngày 16/3/2009; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh để đảm bảo thu hồi nợ.

- Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà Nh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m², được UBND huyện K cấp ông Y Dhu N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh vào ngày 16/3/2009; địa chỉ thửa đất: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản của bà Nguyễn Thị H là Quyền sử dụng đất theo GCNQSD đất số O 316770, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 08 diện tích 5.630 m², được UBND huyện K cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H ngày 11/10/1999 để Ngân hàng thu hồi nợ đối với số tiền gốc 40 triệu đồng và lãi phát sinh trên nợ gốc 40 triệu đồng theo hợp đồng

tín dụng tín dụng số 292/2013/HĐTD ngày 15/3/2013.

- Ngân hàng N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H GCNQSD đất số O 316770, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 08 diện tích 5.630 m², được UBND huyện K cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Hải ngày 11/10/1999.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 21/10/2019, Ngân hàng N có đơn đề nghị xem xét theo trình tự giám đốc thẩm, đề nghị hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2019/KDTM- PT ngày 6/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Quyết định số 32/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 17/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2019/KDTM- PT ngày 6/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH

[1] Lời khai thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; có đủ căn cứ xác định: Do nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích kinh doanh tạp hóa của gia đình nên vào năm 2012, vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị Nh ký hợp đồng vay của Ngân hàng N; Ông D, bà Nh đã được ngân hàng giải ngân số tiền 1,2 tỷ đồng và thỏa thuận ngày đến hạn của hợp đồng này là ngày 14/3/2013; bảo đảm cho khoản vay trên, hai bên lập Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012 và hợp đồng đã được công chứng, đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Ngày 15/3/2013, ông Nguyễn Xuân D tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD với Ngân hàng N vay số tiền 1.600.000.000 đồng cũng vào mục đích kinh doanh tạp hóa của hộ gia đình Ông D, bà Nh; tại Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD giữa ông D và Ngân hàng tiếp tục thỏa thuận việc bảo đảm cho khoản vay ngày 15/3/2013 là Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012 nêu trên [1].

[3] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm Ngân hàng N cho rằng do Ông D, bà Nh không trả được nợ gốc và nợ lãi của khoản vay 1,2 tỷ đồng của Hợp đồng tín dụng năm 2012 (đến hạn là 14/3/2013) khi đến thời hạn trả nợ vay nên Ngân hàng tiếp tục cho Ông D vay lại số tiền 1,6 tỷ đồng (Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD) để trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng năm 2012.

Lời khai của Ngân hàng nêu trên phù hợp lời khai thừa nhận của Ông D về việc ông làm đơn đề nghị vay vốn ngày 15/3/2013 và ký vào Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013 (*đang tranh chấp*) nhưng không nhận được tiền giải ngân của Ngân hàng; phù hợp với các chứng từ giao dịch do Ngân hàng xuất trình thể hiện việc trả số tiền vay của ông Duẩn, bà Nh của Hợp đồng vay năm 2012 và việc vay của Ông D của Hợp đồng vay năm 2013 nằm trong cùng một thời điểm (15/3/2013) và Ông D đã thừa nhận số tiền vay năm 2013 tại chứng từ tất toán số tiền vay năm 2012 là của Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013; đó là: Chứng từ tất toán số tiền vay của Ông D theo Hợp đồng tín dụng năm 2012 vào ngày 15/3/2013 (*có chữ ký của Ông D và phân ghi chú có ghi rõ: Ngày đến hạn là tháng 03/2014- Đây là thời gian đến hạn của Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013*) và Giấy đề nghị vay vốn của Ông D cũng vào ngày 15/3/2013 và Chứng từ giải ngân cho Ông D cũng vào ngày 15/3/2013.

Mặt khác, Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012 (*bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng năm 2012*), giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Nh với Ngân hàng N- Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk gồm 04 tài sản thế chấp nhưng đến các ngày 06/5/2014, 08/5/2014 là thời điểm thực hiện Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013, bị đơn đã trả số tiền nợ 702.666.667 đồng của Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD để xin giải chấp 03 tài sản thế chấp và đã được Ngân hàng giải chấp 03 tài sản, chỉ còn 01 tài sản bảo đảm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m² do UBND huyện Krông Buk cấp ngày 16/3/2009 đã thể hiện việc bà Nh và Ông D chấp nhận các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012, bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013.

Vì vậy, có cơ sở khẳng định việc Ông D vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013 là để trả nợ cho khoản vay năm 2012 của Ông D, bà Nh, đây là hình thức đảo nợ vay và do không thực hiện việc trả nợ theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng năm 2012 nên Hợp đồng thế chấp số 292/TC ngày 06/3/2012 vẫn còn hiệu lực để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 292/213/HĐTD ngày 15/3/2013. Cho nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử về nội dung xử lý tài sản thế chấp chỉ xem xét đến phần tài sản của Ông D trong khối tài sản chung của vợ chồng Ông D và bà Nh; Tòa án cấp phúc thẩm nhận định cho rằng tài sản thế chấp (*theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m² do UBND huyện Krông Buk cấp ngày 16/3/2009*) của Ông D và bà Nh là để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng năm 2012, đã được tất toán xong và Hợp đồng tín dụng năm 2013 là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng với Ông D, không có sự đồng ý của bà Nh nên không có giá trị pháp lý và tuyên trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 356763, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 15 diện tích 624 m² do UBND huyện Krông Buk cấp ngày 16/3/2009 cho Ông D, bà Nh là chưa đánh giá

toàn diện vụ án và làm ảnh hưởng quyền lợi của Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 292b/TC ngày 06/3/2012: Như đã nhận định trên, do xác định vợ chồng Ông D, bà Nh chưa trả khoản nợ của Hợp đồng tín dụng năm 2012 và khoản nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 153/2013 nên Bà H phải chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản mà Bà H bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp giữa Bà H với Ngân hàng.

Do đó, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNGDT-VKS-KDTM ngày 17/3/2020 của Viện trưởng Viện nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2019/KDTM-PT ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2017/QĐKNGDT-VKS-KDTM ngày 17/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2019/KDTM- PT ngày 6/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng N với bị đơn là ông Nguyễn Xuân D.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K , tỉnh Đắk Lắk để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Thanh